

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

Số: 98/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu 6, xã Thạch Đồng, huyện TT, tỉnh PT.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 6, xã Thạch Đồng, huyện TT, tỉnh PT.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh P và chị T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/12/2017. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Khánh D cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt hôn nhân đến khi cháu D thành niên. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh P mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 22/9/2020 cho đến khi cháu D thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày ra Quyết định, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh P và chị T đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị T nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000598 ngày 31/8/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh PT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng